NGUYỄN QUANG BÍCH VÀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG Ở HƯNG HÓA QUA NHỮNG TÀI LIỆU MỚI

NGUYỄN LAN DUNG*

Về phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam diễn ra vào cuối thế kỷ XIX, đã có nhiều công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước được công bố từ trước đến nay. Nhằm góp một phần nhỏ vào việc nghiên cứu về đề tài này, dựa vào những tài liệu lưu trữ chưa từng được sử dụng và vừa mới được chúng tôi khai thác tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I Hà Nội, bài viết làm rõ thêm một vài khía cạnh liên quan, trước hết đến một trong những thủ lĩnh quan trọng nhất của phong trào chống Pháp ở Tây Bắc Bắc Kỳ là Nguyễn Quang Bích và sau đó là phong trào tại một tỉnh cụ thể là Hưng Hóa, cả trước và sau khi có chiếu Cần vương và cả khi Nguyễn Quang Bích còn sống cũng như khi vị thủ lĩnh này đã mất.

1. Về Nguyễn Quang Bích

Nguyễn Quang Bích sinh năm 1832 quê làng Trình Phố (Thái Bình). Năm Kỷ Tỵ (1869), ông đỗ đầu khoa thi với học vị Đình nguyên Hoàng giáp và sau đó kinh qua nhiều chức vụ quan trọng trong hệ thống quan trường như Tri phủ Diên Khánh (Khánh Hòa), Tri phủ Lâm Thao (Phú Thọ), Án sát Sơn Tây, Án sát Bình Định, Tế tửu Quốc Tử giám, Tuần phủ Hưng Hóa. Không chỉ là một viên quan tài đức, Nguyễn Quang Bích còn nổi tiếng với tinh thần yêu nước và tài thao lược. Chính ông đã góp phần rất lớn lập nên chiến thắng ở cả hai trận Cầu Giấy vào năm 1872 và 1883. Nhưng cũng chính ông vào năm 1884 khi Pháp đem quân tấn công thành Hưng Hóa đã kiên quyết trả ấn tín, bất tuân lệnh triệu hồi của triều đình, quyết định cùng binh sĩ cố thủ trong thành đánh Pháp. Tuy nhiên, do lực lượng địch quá mạnh, ông đã buộc phải rút về Tiên Động (xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê) phát động khởi nghĩa. Từ đây bắt đầu một giai đoạn mới trong cuộc đời Nguyễn Quang Bích với vai trò thủ lĩnh phong trào kháng Pháp ở vùng Tây Bắc.

Nhờ uy tín và tài năng của Nguyễn Quang Bích, phong trào đã nhanh chóng lớn mạnh, gây cho địch nhiều tổn thất, đồng thời tạo thêm lòng tin cho phái chủ chiến trong triều đình. Sau chính biến năm 1885, vua Hàm Nghi ban chiếu Cần vương, phong Nguyễn Quang Bích là Hiệp biện Đại học sĩ, Lễ bộ Thượng thư, Hiệp thống Bắc Kỳ quân vụ đại thần, thay mặt nhà vua điều hành công việc trên đất Bắc. Phong trào chống Pháp theo chiếu Cần vương do vậy càng có điều kiện phát triển, mở rộng địa bàn, làm thất bại âm mưu bình định của thực dân Pháp. Đầu năm 1890, phong trào chịu một tổn thất lớn khi Nguyễn Quang Bích bệnh rồi mất. Dù vậy, phong trào vẫn tiếp tục phát triển dưới sự lãnh đạo của các

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

thủ lĩnh địa phương một thời gian sau đó dần đi đến suy yếu, chấm dứt.

Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Quang Bích đã được đề cập trong các công trình nghiên cứu đi trước. Ở phạm vi hẹp hơn, bài viết này đề cập đến thái độ của thực dân Pháp đối với Nguyễn Quang Bích sau khi ông mất dựa trên hồ sơ lưu trữ có tiêu đề *Proposition du Résident de Thai Binh a/s d'arrestation des membres de la famille de l'ex Tuan phu de Hung Hoa, Nguyen Quang Bich et confiscation de ses biens 1891* (Đề nghị của Công sứ Thái Bình về việc bắt thành viên gia đình cựu Tuần phủ Hưng Hóa Nguyễn Quang Bích và tịch thu tài sản của ông ta), ký hiệu 76349 thuộc Phông Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (RST), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 1 Hà Nội.

Vì Nguyễn Quang Bích là một thủ lĩnh quan trọng của phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỷ XIX nên sau khi ông mất, với âm mưu tiêu diệt, thị uy và đàn áp phong trào, chính quyền thực dân tính đến việc bắt giữ gia đình và tịch thu tài sản của ông. Theo các công văn trao đổi giữa Phó Công sứ Thái Bình và Thống sứ Bắc Kỳ, Nguyễn Quang Bích là "một kẻ phản nghịch" (rebelle) nên việc bắt gia đình và tịch thu tài sản của ông là bắt buộc.

Chúng tôi lược trích một số nội dung chính liên quan đến vấn đề này được đề cập trong hồ sơ RST 76349:

"Thư số 489, ngày 4-8-1891

Phó Công sứ Thái Bình gửi Thống sứ Hà Nội

Tôi xin phép ngài thử bắt hai con trai của Nguyễn Quang Bích, cựu Tuần phủ, kẻ phản nghịch ở Hưng Hóa. Họ vẫn đang ở những ngày cuối tại nhà Ca Dam, một trong những thủ lĩnh của vụ Chou Dinhs (?) hiện nay đang bị điều tra. Ca Dam là cháu họ của Bích và là người trông giữ tài sản của họ ở Diêm Điền. Ca Cap của vụ này kết hôn với mẹ của ông ta. Họ cố coi Tuần phủ đã chết nhưng một bằng chứng được tìm thấy phủ nhận những lời nói của họ về vụ việc. Chou Dinh (?) hiện ở Hà Nội là cháu của họ. Khi tôi tạm tịch thu tài sản của Ca Dam, tôi đã để tại nhà chính của Bích một tờ yết thị buộc vợ và các con của ông ta phải đến đầu hàng. Họ không đến nhưng tôi nghĩ vẫn có thể bắt họ" (1).

"Văn bản số 3477, ngày 12-8-1891

Cơ quan Các vụ việc bản xứ

Gửi Phó Công sứ Thái Bình

Về gia đình Nguyễn Quang Bích:

Tôi hân hạnh khẳng định với ông những từ ngữ trong điện số 441 ngày 4-8 vừa qua mà qua đó tôi cho phép ông bắt giữ hai con trai của Nguyễn Quang Bích. Biện pháp này được mở rộng với tất cả thành viên của gia đình này. Vả lại, ông cũng muốn tiến hành tịch thu toàn bộ tài sản mà tên phản nghịch này sở hữu ở Thái Bình. Điều đáng ngạc nhiên là chính quyền tỉnh phải tốn nhiều thời gian mới nhìn ra tình hình này hoặc để thông báo về nó".

Vấn đề nói trên sau đó tiếp tục được nhắc lại trong phúc đáp số 5988 ngày 17-8-1891 của Kinh lược sứ Hoàng Cao Khải gửi Thống sứ Bắc Kỳ.

"Kinh lược Bắc Kỳ gửi Thống sứ Bắc Kỳ: về những chỉ dẫn liên quan đến Nguyễn Quang Bích - cựu Tuần phủ Hưng Hóa - đã chết.

Tôi có tiếp thơ quan lớn tư cho tôi, số 1172, nói về việc tiếp quan Công sứ Thái Bình trình rằng.

Hạt ấy, làng Trình Phố có Tuần phủ cũ tên là Nguyễn Quang Bích.

Năm trước đi làm nghịch nên cần bắt vợ con viên ấy và tịch ký nhà cửa.

Lại xét tỏ đầu đuôi việc viên ấy thế nào, trả lời để tính.

Nha Kinh lược tôi xét viên ấy là Tuần phủ cũ tỉnh Hưng Hóa, từ năm vua Tự Đức thứ 36, tỉnh ấy có việc.

Viên ấy theo với quân Tàu lên trên Thượng du, họp tập quân lính, quấy phá, lẩn trốn trong rừng, tự xưng làm Thuần trung tướng hiệp thống quân vụ đại thần.

Đến tháng 1 năm Thành Thái thứ 2, tiếp tỉnh Sơn Tây và Hưng Hóa đi thám báo, tháng 12 năm Thành Thái thứ 1 (tháng 1-1890 - NLD), viên Nguyễn Quang Bích bị bệnh chết còn những dư đảng tiêu tan.

Việc ấy đã xét hỏi và là sự thiệt, vả viên ấy năm trước có làm nghịch thế, sau bị bệnh chết, đã 2 năm, thời cái việc bắt vợ con, tịch nhà của viên ấy, xin quan lớn xét định, tôi trả lời, xin quan lớn xét tính" (2).

2. Về phong trào Cần vương ở Hưng Hóa

Được thành lập năm 1831, Hưng Hóa là một trong những tỉnh có diện tích rộng lớn thời Nguyễn. Theo *Đồng Khánh dư địa chí,* Hưng Hóa gồm 3 phủ (Quy Hóa, Gia Hưng, An Tây), 5 huyện (Văn Chấn, Yên Lập, Tam Nông, Trấn Yên, Thanh Xuyên) và 16 châu (Thủy Vĩ, Văn Bàn, Sơn La, Thuận Châu, Tuần Giáo, Mai Sơn, An Châu, Ninh Biên, Mộc Châu, Đà Bắc, Phù Hoa, Mai Châu, Chiêu Tấn, Luân Châu, Lai Châu, Quỳnh Nhai) (3), tức là bao trọn vùng Tây Bắc Việt Nam lúc bấy giờ. Địa giới này về cơ bản được duy trì như vậy cho đến năm 1884. Sau khi thành Hưng Hóa rơi vào tay thực dân Pháp, dưới tác động trực tiếp từ phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân, từ các hành quân bình định cũng như mục tiêu ổn định các khu vực đã chiếm đóng của thực dân Pháp, địa giới tỉnh Hưng Hóa từng bước được điều chỉnh theo hướng chia tách, phân nhỏ đơn vị hành chính các cấp để sáp nhập vào các tỉnh lân cận, lập các tỉnh mới và lập Đạo quan binh số 4. Kết quả là đến tháng 9-1891, địa giới của tỉnh Hưng Hóa giới hạn chỉ còn các huyện Tam Nông, Thanh Thủy và nhập thêm các huyện Sơn Vi, Thanh Ba, Phù Ninh thuộc phủ Lâm Thao, tỉnh Sơn Tây (4). Sau khi phong trào chống Pháp tại khu vực này về cơ bản bị dập tắt, ngày 24-7-1893, tỉnh Hưng Hóa được chuyển sang chế độ dân sự với 8 châu, huyện là Sơn Vi, Thanh Ba, Phù Ninh, Thanh Thủy, Cẩm Khê, Tam Nông, Yên Lập và Hạ Hòa (5). Như vậy, từ phạm vi ban đầu là cả khu vực Tây Bắc vào thời Nguyễn, đến năm 1893 địa giới của tỉnh Hưng Hóa thu hẹp dần chỉ ở khu vực trung du, nơi hợp lưu giữa 3 con sông là sông Đà, sông Hồng và sông Lô. Với phong trào yêu nước chống Pháp cũng như phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX, tỉnh Hưng Hóa ở cả phạm vi rộng và phạm vi hẹp đều đóng vai trò quan trọng.

Việc nghiên cứu về phong trào Cần vương vùng Tây Bắc nói chung và Hưng Hóa nói riêng đã được đề cập cả trực tiếp và gián tiếp trong nhiều nghiên cứu trước đây. Dựa trên nguồn tài liệu đa dạng, từ tài liệu điền dã, tài liệu địa phương, các sách báo, hồi ký của các cá nhân tham gia phong trào đến tài liệu lưu trữ, các nghiên cứu đã trình bày diễn tiến phong trào Cần vương khu vực Tây Bắc từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc cùng những trận giao chiến quan trọng. Đó là một phong trào có sự phát triển liên tục, trải ra trên một địa bàn rộng lớn, từ Hòa Bình, Hưng Hóa kéo lên Yên Bái, Sơn La, Lai Châu, trong đó Hưng Hóa là một trong những căn cứ địa chính của phong trào. Trong phong trào chung đó, cuộc vận động đấu tranh chống Pháp dưới ngọn cờ của Nguyễn Quang Bích, Đốc Giáp rồi sau đó là Đốc Ngữ, Đề Kiều có quy mô lớn hơn cả, đóng vai trò trung tâm, làm nên sức mạnh chính của phong trào và quy tụ

xung quanh đó rất nhiều nghĩa quân dưới sự lãnh đạo của các thủ lĩnh địa phương khác. Hơn nữa, phong trào Cần vương ở Tây Bắc không tồn tại một cách độc lập mà có mối liên hệ về cả đường lối, tổ chức, lực lượng với phong trào của ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ do Tán Thuật chỉ huy, vùng Thanh Hóa do Tống Duy Tân chỉ huy, từ đó cho thấy được tính thống nhất của phong trào Cần vương nói chung. Các nghiên cứu cũng đồng thời phác họa chân dung một số lãnh đạo chính của phong trào Cần vương như Nguyễn Quang Bích, Đốc Giáp, Đốc Ngữ, Đề Kiều cùng các thuộc hạ của họ. Tuy còn có một số điểm chưa thống nhất nhưng các nghiên cứu đều khẳng định tài năng, vai trò chi phối của các thủ lĩnh với sự phát triển của phong trào, ở phạm vi nhỏ là Hưng Hóa và rộng hơn là cả vùng Tây Bắc. Một số nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá, phân tích về đường lối quân sự, tính chất hay đặc điểm của phong trào từ đó chỉ ra nguyên nhân khiến phong trào đi đến thất bại sau 10 năm phát triển sôi nổi.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu như vậy, với nguồn tài liệu lưu trữ (thuộc Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 1, Hà Nội), chúng tôi nhận thấy có thể bổ sung thêm những chi tiết, nội dung của phong trào chống Pháp ở Hưng Hóa trước và sau khi có chiếu Cần vương mà trước đây chưa được đề cập đến hoặc còn khái lược. Các tài liệu này đều thuộc phông Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (Résident Supérieur au Tonkin - RST) với số ký hiệu và tiêu đề như sau:

- RST 3285 - *Rapport sur les opérations militaires du 1ère au 30-12-1886 au Tonkin et en Annam* (Báo cáo về những cuộc hành binh từ ngày 1 đến ngày 30-12-1886 tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ).

- RST 76327 - *Actes de piraterie commis dans la province de Hung Hoa 1890-1891* (Cướp bóc tại tỉnh Hưng Hóa năm 1890-1891).

- RST 80077 - *Situation politique de la province de Phu Tho en 1892* (Tình hình chính trị tại tỉnh Phú Thọ năm 1892).

- RST 1554 - *Province de Hung Hoa (Phu Tho): Notice, monographie, cartes, divisions administratives de la province de Hung Hoa 1899* (Tỉnh Hưng Hóa (Phú Thọ): Ghi chép, chuyên khảo, bản đồ, phân chia hành chính tỉnh Hưng Hóa 1899).

Bao gồm trong các tài liệu trên là nhiều loại văn bản, trong đó có các báo cáo, công văn trao đổi giữa các cấp chính quyền ở Hưng Hóa về tình hình an ninh trong tỉnh, các cuộc hành binh của Pháp, hoạt động của các toán quân khởi nghĩa, bản đồ, bản vẽ… Về cơ bản chúng phản ánh, đề cập đến một số nội dung chính sau: Cuộc kháng chiến chống Pháp rồi sau đó là phong trào Cần vương trên đất Hưng Hóa bắt đầu từ sớm, từ khi Pháp tiến chiếm Hưng Hóa và kéo dài liên tục đến năm 1894 mới tạm thời chấm dứt.

Phong trào trước khi có chiếu Cần vương

Đây là giai đoạn mở đầu của phong trào chống Pháp diễn ra ở Hưng Hóa. Trong giai đoạn này, việc kháng chiến được tiến hành dưới sự lãnh đạo của triều đình Huế mà đại diện là Hoàng Kế Viêm trên cơ sở hợp tác cùng Lưu Vĩnh Phúc, với lực lượng chính là quân đội triều đình và quân Cờ Đen. Tài liệu viết:

"Hoàng Kế Viêm, quan chức An Nam cấp cao được triều đình Huế trước đó cử đến cạnh Lưu Vĩnh Phước, để mang đến cho ông ta tiền cứu trợ và các trợ tá… đã lựa chọn Hưng Hóa làm nơi lui quân" (6). Hưng Hóa cũng là nơi mà Hoàng Kế Viêm "đã cai trị và nơi mà khoảng 10 năm trước khi chúng ta đến, ông ta đã kêu gọi được

rất nhiều đầy tớ. Nếu như chúng ta dựa vào ký ức của giới chức bản xứ, Hoàng Kế Viêm đã tạo lập được một cụm gồm 4 ngôi nhà lớn kiên cố mà giờ chỉ còn dấu tích" (7). Do vậy, để đánh Pháp, ông ta mang theo một lực lượng lớn gồm đầy tớ và khoảng 1.000 lính từ Trung Kỳ và "không lâu trước cuộc hành quân của chúng ta ở Sơn Tây, Hoàng Kế Viêm kêu gọi những người đầy tớ của mình - những người đã gia nhập đội quân Trung Hoa trăm người được thành lập ở Thanh Sơn lúc đó và đến cố thủ trong thành ở lị sở" (8).

Tuy nhiên, đường lối đánh Pháp của Hoàng Kế Viêm không hiệu quả: "Với quân Cờ Đen, ông ta nhốt mình trong thành ở lị sở và tiếp tục tổ chức kháng cự. Nhưng những nỗ lực của ông ta là vô ích: người Trung Hoa và An Nam đã nản chí bởi chiến công xuất sắc dẫn đến việc chiếm thành Sơn Tây - tuy rằng đẫm máu" (9).

Sự kiện Pháp đánh chiếm Hưng Hóa năm 1884 được miêu tả như sau:

"Năm 1882, tướng Rivière lên thuyền chiến để tìm hiểu về việc phòng thủ ở Sơn Tây và đã tiến lên tận Hưng Hóa - được coi là điểm cuối cùng. Nhưng chỉ sau khi Đô đốc Courbet chiếm thành Sơn Tây, việc tấn công Hưng Hóa mới được quyết định và quân đội Pháp sẽ phải vượt qua sông Lô.

Cuộc viễn chinh theo mệnh lệnh của tướng Millot được chia thành 3 đội quân. Tướng Brière de l'Isle chuyển chỗ ở phía Nam, ông ta rơi vào con đường núi không thể vượt qua được và chỉ đến nơi sau một cuộc hành quân quá vất vả, dù không phải giao tranh. Trong lúc đó, tướng Millot đang chiếm vùng Trung Hà và các điểm cao chi phối sông Đà, gần với hợp lưu của nó và sông Hồng, tiến hành công phá thành. Tướng de Négrier đã vượt qua sông Lô ở Việt Trì và ngược lên tả ngạn sông Hồng. Ông ta đến Hưng Hóa đầu tiên ngày 12-4-1884. Người Hoa và người An Nam đã bỏ thành và bỏ chạy theo hướng Tuyên Quang, sau khi đã vượt sông Hồng ở điểm cao làng Cát Trù" (10).

"Ngày 12-4-1884, quân đội Pháp sau khi oanh tạc và thiêu hủy Hưng Hóa trên các đỉnh gò nằm ở phía phải sông Đà, gần cửa sông, đã vượt qua con sông này và chia làm hai đội quân tấn công, tiếp cận thành trì tỉnh mà họ nhận thấy đã bị bỏ trống. Hoàng Kế Viêm rút về Đồn Vàng, ở biên giới đất Mường (có thể là Hòa Bình - NLD), nơi mà ông ta tìm cách nổi dậy nhưng không thành. Một thời gian ngắn sau khi nản chí hoàn toàn bởi những nỗ lực của mình đã thất bại, ông ta phải lén trở lại Trung Kỳ, để lại nhiệm vụ tiếp tục kháng chiến cho một viên quan cũ của Sơn Tây, được biết đến dưới tên Bố Giáp" (11).

Phong trào từ khi có chiếu Cần vương

Sau khi thành Hưng Hóa mất, Tuần phủ Hưng Hóa Nguyễn Quang Bích bất tuân lệnh của triều đình, rút về Cẩm Khê, lập nghĩa quân chiến đấu, thu hút nhiều anh em nghĩa sĩ. Tháng 7-1885, vua Hàm Nghi ban chiếu Cần vương, phát động phong trào chống Pháp. Từ đây, cuộc đấu tranh chống Pháp ở vùng Tây Bắc sang một giai đoạn mới. Tây Bắc trở thành chiến trường quyết liệt.

"Bên hữu ngạn sông Hồng là nơi chúng ta gặp phải sự kháng cự nhiều nhất. Được giúp đỡ của quân Trung Hoa, Bố Giáp, cùng một người An Nam có ảnh hưởng trong vùng gọi là Đề Kiều, đã quyết liệt chống lại chúng ta trong nhiều năm. Thực hiện một cuộc chiến tranh du kích, ông ta không ngừng cầm chân quân đội của chúng ta mệt lử, gây ra những tổn thất đáng kể (trận Văn Bàn, Đại Lịch…)…".

Phong trào nhanh chóng thu hút sự tham gia của các kỳ hào, thủ lĩnh địa

phương, dựa vào hình thái chiến tranh du kích, với lực lượng chính là các nghĩa quân nông dân. Họ thường bị Pháp gọi là cướp (pirate), hoặc toán/băng cướp (bande de pirate), quân nổi loạn (rebelle). Sau khi Nguyễn Quang Bích rồi Bố Giáp mất, vai trò thủ lĩnh của phong trào được trao cho Đốc Ngữ và Đề Kiều. Đề Kiều theo miêu tả của Pháp: "Được sự hỗ trợ của Nguyễn Quang Bích, cựu Tuần phủ Hưng Hóa, Bố Giáp có thêm một kỳ hào ở làng Cát Trù, huyện Cẩm Khê tên Hoàng Văn Thúy - người được biết đến dưới tên Đề Kiều"; "Đề Kiều, mới thăng cấp Đổng biện tam Tuyên, chỉ huy băng đảng ở Hưng Hóa, Sơn Tây, Tuyên Quang. Chính ông ta đã mang đến sự đảm bảo cho toán cướp trên vùng thượng du trập trùng tất cả các vấn đề hành chính. Ông ta sống tại thôn Rừng Già, làng Cát Trù và rút về núi Đoại Đèn (Đọi Đèn - NLD) khi ông ta nhận thấy nguy hiểm bởi sự thám sát của chúng ta" (12). Trong khi đó, Đốc Ngữ được coi là "một người dân thuần túy đến lúc đó còn chưa được biết đến hóa ra lại là một thủ lĩnh nguy hiểm".

Nguồn tài liệu này cũng cung cấp thêm tên một số thủ lĩnh của phong trào dưới sự chỉ huy của Đề Kiều. Đó là: Hiệp Tuyên, Hiệp Chung, Lãnh Sơn cũng sống tại Rừng Già; Tấn Tóng, dân làng Trịnh; Phó Đề đốc Thanh, dân làng Trương Xá; Quảng Chu, anh em Đề Kiều, sống tại thôn Sậu; Vợ Đề Kiều sống tại Thạch Đê; Quản Giai, sống tại Trương Xá; Lãnh Mai và Lãnh Miên, sống tại thôn Sao Nước; Đốc binh Nhờ và Đội Khánh ở Chợ Trò; Vợ Lãnh Ngọc, sống tại làng Hiền Đa (đây là nơi Thạch Đề chuẩn bị lương thực cho nghĩa quân); Đề Ngân ở Cổ Tùng, huyện Hạ Hòa; Đề Mạt ở làng Cổ Tùng; Đề Cang ở Tiên Châu huyện Thanh Ba; Tuần Giất ở Lang Sơn, Hạ Hòa; Tuần Áo ở Tuy Lộc, Tác Mai và Lãnh Ngọc ở Cát Trù.

Theo Pháp, vào thời điểm năm 1891, nghĩa quân có khoảng 400 đến 500 người, được trang bị vũ khí và "sức mạnh của toán cướp hiện nay rất lớn"; "Các toán Đề Kiều, Đốc Ngữ… không hề lẫn lộn với những toán cướp bé sống bằng việc cướp bóc, đó thực sự là những đám quân nổi dậy được trang bị và được hỗ trợ bởi những kẻ thù tồi tệ của chúng ta" (13). Các nhóm quân khởi nghĩa đã biết tận dụng lợi thế về mặt địa hình đa dạng gồm núi - sông - rừng già để tổ chức, xây dựng lực lượng và thực hiện chiến thuật chiến tranh du kích. Dựa vào rừng núi, "Đề Ngữ trú ẩn trong rừng để tập hợp lực lượng". Cũng như vậy, "Đề Kiều thường đồn trú trong Rừng Già trong khối núi Núi Đọi và Núi Tượng (huyện Cẩm Khê) - nơi mang lại cho ông ta chỗ ẩn nấp quan trọng, ban ngày giấu vũ khí trong rừng và cử quân du kích tới các làng làm nông dân… Buổi tối, ông ta tụ tập cùng quân du kích, tìm kiếm vũ khí để hành quân trong các thôn với toán người của Đốc Ngữ và các toán "cướp" khác tại huyện Thanh Ba, Hạ Hòa và phủ Lâm Thao. Ông ta yêu cầu tiền và gạo của dân chúng; ông ta tấn công và cướp bóc những làng không chịu nộp những thứ này cho ông ta. Ông ta gửi chiến lợi phẩm gạo tại nhiều thôn khác nhau và thỉnh thoảng gửi cho Đề Ngữ ở trong rừng làng Khả Cửu". "Những toán cướp khác tụ tập ở nhiều khu rừng khác trong khu vực này, họ đã xây dựng pháo đài, đào hào lũy ở những nơi hiểm trở" (14). Cách thức tổ chức địa bàn này khiến các đoàn thám báo của Pháp không thể tìm thấy dấu vết hay tung tích của nghĩa quân: "Toán của Đề Kiều thực tế lẩn trốn trong khu rừng rậm huyện Cẩm Khê; nhiều cuộc thám báo chống lại nhóm này vẫn không mang lại kết quả"; "từ một tháng nay khi đội quân đến đây, không tìm thấy cái gì. Toán cướp rút đi để lại các đồn lũy trống không".

Ngoài việc lấy rừng làm nơi tập hợp lực lượng bí mật và xây dựng phòng lũy chiến đấu, theo nhận định của giới thực dân và tay sai phong kiến, nghĩa quân còn dựa chặt chẽ vào nhân dân để thực hiện chiến tranh du kích. Do vậy, địa bàn của nghĩa quân trải ra trên nhiều làng, nhiều huyện nhất là các địa điểm dọc theo sông Hồng: "Trong những ngày qua, Đề Ngữ hợp tác với toán quân Trung Hoa và toán của Đề Kiều tại làng Hạ Long, huyện Yên Lập với mục đích lập phòng tuyến ở đây. Ông ta sau đó rút về làng Khe Cua, Van Long (?) và Lang Coi (?)… Các toán cướp di chuyển theo từng nhóm nhỏ,... và cướp của dân chúng tại huyện Thanh Sơn, Thanh Thủy, Cẩm Khê và Yên Lập… Theo chỉ dẫn của lý dịch làng Yên Lãng, Thi Can (?) thì thôn Lâm Châu (?), Xam Uông (?) thuộc làng Khe Tieu (?) là sào huyệt của Đề Ngữ. Hai thôn này cách một ngày đi bộ từ làng Hương Cần, Yên Lãng và những con đường mà qua đó chúng ta quay trở lại có nhiều chướng ngại tự nhiên, núi non hiểm trở, rừng, ngòi và hốc ngoằn ngoèo, khiến đường đi đến đó khó khăn gấp 3 đến 4 lần đến Loin Gian (?) và thậm chí qua đó chúng ta có thể đi đến tận châu Phù Yên và Đà Bắc" (15). Thậm chí, thực dân Pháp khẳng định nghĩa quân "có cơ sở tại mỗi làng trong tỉnh".

Không chỉ vậy, căn cứ vào các đoàn thám báo, Pháp còn cho rằng các nhóm quân của Đề Kiều, Đốc Ngữ còn gây dựng được lực lượng bí mật ở khắp nơi. Nhờ có dân làng Thanh Ca, nghĩa quân được báo trước các cuộc thám sát của đồn binh Cẩm Khê. Những người lái đò trên sông Hồng cũng bị Pháp coi là nội ứng của nghĩa quân: "Những người lái đò trên bến phà đều là những người tận tâm với thủ lĩnh toán cướp. Miễn là đoàn binh đang ở trên địa phận Cát Trù và Điêu Lương, toán cướp sẽ không bao giờ tấn công họ. Họ (người lái đò) ngược lại cùng với người dân đi gặp các đoàn binh". Pháp còn lần tìm ra những binh sĩ trong các đồn binh làm nội ứng cho nghĩa quân: "Toán cướp có được sự nội ứng trong đồn Phong Vực (đồn gác dân sự tạm thời, hiện nay trong khu đạo quan binh). Bếp Ng.. (?) cai hoặc bếp của lính thủ bộ, quê Điêu Lương, bà con của cướp, thông báo trước cho họ tất cả hoạt động của chúng ta" (16).

Mặc dù không phải là lực lượng quân đội chính quy, không có vũ khí hiện đại nhưng nghĩa quân cùng cách đánh du kích đã gây ra cho Pháp nhiều thiệt hại, ý đồ đánh chiếm và mở rộng địa bàn của Pháp ở Tây Bắc không thể thực hiện nhanh chóng như chính thú nhận của Pháp.

"Tháng 5-1890, ông ta (Đốc Ngữ - NLD) vượt sông Hồng và tấn công một biệt đội do Đại úy Erher chỉ huy - chỉ huy đồn Ngọc Tháp. Trong lúc giao chiến, Erher và 4 lính lê dương bị giết. Lo sợ bị trả đũa, Đốc Ngữ lại vượt qua sông Hồng và rút về vùng Mường. Vẫn là ông ta mà chúng ta phải đẩy lùi trong vụ Thạch Khoán - nơi Đại úy Margaine bị giết" (17); "Nhiều đội quân đã được điều đến để chống lại ông ta (Đốc Ngữ) nhưng họ không mấy thành công trong việc làm suy giảm ảnh hưởng của ông ta" (18).

Và, đây là diễn biến của những trận giao chiến quyết liệt giữa nghĩa quân (mà người Pháp gọi là "giặc cướp", "quân cướp") với quân đội thuộc địa vào đầu năm 1891 theo sự miêu tả của phía Pháp được ghi trong các tài liệu được chúng tôi khai thác và lược trích:

"Ngày 13-3-1891: lúc 10h sáng, đội quân bắt đầu đụng độ với một toán 600 tên cướp, được trang bị vũ khí, đồn trú trên đỉnh núi.

Quân của chúng ta cướp được: 3 cờ lớn, 2 trống, 1…, 2 đồn lũy của quân nổi dậy, 2 tù binh còn sống và 2 đầu của băng cướp. Nhiều người chết và bị thương, chứng tỏ trận đánh trong ngày rất dữ dội.

Về phía chúng ta: Chúng ta có 2 lính Pháp và 2 lính khố đỏ Bắc Kỳ bị chết. 2 lính Pháp, 1 lính khố đỏ và 2 lính bị thương, một số khác bị thương nhẹ.

Ngày 14-3-1891: Trận chiến diễn ra lúc 6h sáng và kết thúc lúc 9h. Đội quân bắt 2 tên cướp làm tù binh và chiếm được 2 trống, 2 cờ lớn, 2 bọc đạn và 2 đồn lũy (gồm 7 đến 8 nhà).

9h, sau khi hành hình các tù binh, đội quân rút đến 2 làng Yên Lãng và Vang Lung (Vân Lung - NLD).

Ngày 15-3-1891: Đội quân của Chỉ huy Sơn Tây - người đang ở Yên Lãng, cùng với Tiểu Phủ Sứ rút về Tu Vũ.

Đội quân của Chỉ huy Hưng Hóa ở Vang Lũng, cùng án sát rút về Thục Liện (Thục Luyện - NLD) (Đồng Vàng).

Chỉ huy của đội quân thứ hai này đề nghị thám sát huyện Thanh Sơn, Yên Lập và Cẩm Khê.

Huyện Thanh Sơn: Ngày 16-3, 9h tối, một toán 100 người, tấn công làng Bảo Vệ gần Thanh Hòa.

Trong trận tấn công này, băng nhóm đốt 6 nhà, lấy 14 trâu bò, bắt và lôi đi lý trưởng làng và con trai ông ta".

"Ngày 10-3-1891: Huyện Tam Nông thông báo một toán cướp 40 người do Lãnh Doãn, Lãnh Thình và Lãnh Lịnh có trang bị súng đạn nhanh chóng rút đến tổng Hiền Quan - nơi họ tiếp nhận những đóng góp từ làng Hiền Quan, Gia Dụ, Hưng Nha (Hương Nha - NLD).

Ngày 13-3-1891: Một nhóm cướp 20 tên có vũ khí đến tổng Văn Lãng với ý định bắt cóc phụ nữ.

Ngày 15-3-1891: Chánh tổng Văn Lang báo tin 200 tên cướp có vũ khí và dao phạt xuất hiện, rời khỏi cánh rừng làng Cổ Tuyết (Cổ Tiết - NLD), tiến đến làng Gia Lang (?)" (19).

Các tài liệu đều cho thấy rằng trong những năm 1891-1892, phong trào Cần vương ở Hưng Hóa cũng như vùng Tây Bắc vẫn phát triển rất mạnh, gây ra nhiều khó khăn cho quân đội Pháp. Thế giằng co giữa Pháp và nghĩa quân kéo dài trong một thời gian dài. Năm 1892, Đốc Ngữ mất và nguyên nhân - theo giới thực dân là bởi "người Mường, căm tức vì những yêu cầu về của cải và sự tàn bạo của ông ta, đã bỏ mặc và giết chết ông trong một cuộc phục kích". Mất sự trợ giúp của Đốc Ngữ, Đề Kiều sau đó không thể duy trì được phong trào. Lúc này, Pháp làm chủ được hai bên sông Hồng và đặt các đồn Thanh Ba, Yên Lành, Năng Yên, Cẩm Khê, Phong Vực, Đại Phạm, Hương Xạ, Cáo Điền, Ngọc Tháp, Minh Côi, Ngòi Lao, Hiền Lương, trên sông Lô có đồn Yên Lãng và trên Sông Bứa có Đồn Vàng. Năm 1893, Đề Kiều quyết định đầu hàng và sự việc này được miêu tả là "một sự hào nhoáng nhất định đã được dành cho việc tiếp đón viên thủ lĩnh này và chính quyền Hưng Hóa cùng Kinh lược Hoàng Cao Khải từ Hà Nội, tiếp nhận sự thần phục của ông ta". Phong trào từ đó suy yếu và đi đến tan rã: "Những người ủng hộ vua Hàm Nghi đầu hàng, các băng đảng về lâu dài không thể thoát khỏi sự truy đuổi của chúng ta. Nhiều thủ lĩnh - những người chỉ huy của họ, bị bắt hoặc bị giết, những người khác đầu hàng" (20).

Theo đánh giá của giới thực dân, phải đến năm 1894 - tức là cần tới 10 năm Pháp về cơ bản mới làm chủ được tình hình ở Tây Bắc cũng như Hưng Hóa và những tổn thất của Pháp thật sự đáng kể.

Sự lúng túng của thực dân Pháp tại khu vực Hưng Hóa

Khó khăn là điều thường xuyên được đề cập trong các công văn trao đổi của giới chức thực dân về tiến triển của cuộc hành binh ở Hưng Hóa.

Trở ngại đầu tiên được gán cho điều kiện địa hình, tự nhiên ở khu vực này: "Bởi địa hình mấp mô, vị trí liền kề với những tỉnh biên giới - nơi trong thời gian dài là nơi cư trú lâu dài của các băng nhóm Trung Hoa - tàn tích của cuộc nổi dậy Thái Bình, vùng Hưng Hóa trở thành nơi ẩn náu hoàn toàn phù hợp với quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phước và với tất cả quân phản nghịch An Nam, những người kết nối với họ" (21).

Do vậy, Pháp thậm chí còn nhấn mạnh rằng sở dĩ phong trào kháng Pháp tại Hưng Hóa có thể duy trì lâu dài và có quy mô lớn như vậy chính là bởi yếu tố địa hình: "Nếu vùng này ở trong tình trạng rối loạn lâu dài và nếu sự kháng cự cũng ngoan cường và thuận lợi, thì một phần chắc chắn là do địa hình và tình hình của khu vực này. Được bao quanh bởi những núi dốc đứng và những cánh rừng không thể vượt qua, chỉ có những con đường mòn rất khó đi, nó tạo ra một sào huyệt tuyệt vời cho các băng đảng rất cơ động và quen thuộc với đường sá bởi đó là đường của quân phiến loạn. Việc liên lạc với Trung Hoa dễ dàng hơn qua đồng bằng sông Hồng, sông Chảy, sông Lô và hẻm Tam Đảo - nơi có nhiều khó khăn gây trở ngại cho việc tuần tra mà đáng ra phải được thực hiện" (22).

Rừng Già - nơi đóng quân của Đốc Ngữ được miêu tả là "những dãy núi với những chỏm núi không thể bước tới, được bao quanh bởi hồ và bị chia cắt bởi những đoạn mà quân ta không thể vượt qua được". Do vậy, theo Pháp "Chúng ta sẽ không đi đến một kết quả tốt đẹp bởi núi rừng mênh mông và bởi rất nhiều con đường mà chúng ta không thể chiếm giữ toàn bộ sẽ cung cấp lối thoát cho toán cướp" (23).

Yếu tố thời tiết, khí hậu cũng bị coi là những khó khăn không thể vượt qua được của quân Pháp. Đây là tình cảnh của Pháp vào tháng 5-1891: "Hiện nay, nước bắt đầu lên cao, nếu việc hành quân không được tiến hành, thì sẽ phải hoãn lại đến những ngày đầu của mùa thu (tháng 8 hoặc 9). Do đó, chậm trễ một ngày sẽ cho phép toán cướp tăng lên. Hiện nay, tôi không có đủ người và vũ khí để khởi sự công việc".

"Thật không may là chúng ta đang trải qua mùa nóng, đội quân mà viên Tuần phủ đã nhắc đến trong báo cáo của ông ta đối với tôi dường như là không thể, chúng ta chắc chắn gặp phải trận dịch bệnh rất đáng sợ.

Tôi tin rằng, tất cả những gì còn lại với chúng ta là ngăn chặn sự tấn công bất thình lình hoặc sự mở rộng của toán cướp trên địa phận mà chúng ta chiếm đóng trong khi đợi đến mùa lạnh - thời điểm sẽ cho phép chúng ta truy kích chúng xa hơn" (24).

Khó khăn tiếp theo được chính Pháp chỉ ra là Pháp không có sẵn tại Hưng Hóa một lực lượng đủ đông, đủ mạnh để đối phó với chiến thuật chiến tranh du kích của nghĩa quân như lời của Phó Công sứ Hưng Hóa: "Với lực lượng ít ỏi mà tôi được cung cấp, tôi chỉ có thể cung cấp cho các đoàn hộ tống với điều kiện tôi không phải tự đi ra ngoài hoặc không tăng cường việc canh phòng, vì vậy không thể đặt ra cho tôi việc chống toán cướp và tôi sẽ ở đây trong vài tháng trừ khi tăng thêm quân số, tôi thấy mình bị mắc kẹt ở Hưng Hóa như khi tôi mới nhận nhiệm vụ".

"Nếu quân đội được gửi đến để chống lại một trong số họ (Đề Kiều, Đốc Ngữ - NLD), sẽ có lý do để e ngại rằng người kia sẽ đến trợ giúp người còn lại bằng cách tìm kiếm chiến thuật chống lại họ…" (25).

Do đó, biện pháp cần kíp được đưa ra trong thời điểm 1891 là tăng quân và lập thêm các đồn binh, canh gác. Cách thức này được cho là không chỉ giúp Pháp duy trì hiện trạng - tức là ngăn chặn sự mở rộng địa bàn hoạt động của nghĩa quân mà còn là điều kiện để Pháp sau đó có thể mở những đợt tấn công quy mô chống lại các nhóm quân khởi nghĩa.

Đây là yêu cầu khẩn khoản của Phó Công sứ Hưng Hóa: "… quyết định càng sớm càng tốt việc tăng lính và lính cơ như đã được yêu cầu, trong đó có báo cáo ngày 11-5 về mức tăng - điều sẽ cho phép tôi thiết lập các đồn binh như đã được đặt ra qua các báo cáo tương tự... Tôi coi các đồn binh như biện pháp duy nhất hiệu quả để giữ các toán cướp ở bên ngoài địa phận của chúng ta cho đến khi có sự tăng viện đủ hoặc như tôi đã hân hạnh đề nghị với ngài (Thống sứ) trong báo cáo trước đó chỉ để lại cho tôi 150 dân binh và 80 lính cơ hiện nay, điều hết sức cần thiết để bảo vệ Dinh Tuần phủ, Quan án, nhà tù… và các đoàn hộ tống; và để phó thác việc phòng thủ địa phận bao gồm ở đây đồn Bảo Yên, Đào Xá, Phong Vực hoàn toàn cho giới chức quân sự, do đó miễn trừ cho tôi tất cả trách nhiệm về vấn đề này" (26).

Cho đến đầu năm 1892, tăng cường viện binh vẫn tiếp tục được đề cập trong Công văn số 77 ngày 23-2-1892 của Công sứ Hưng Hóa gửi Thống sứ Bắc Kỳ. Vào thời điểm này, số lượng lính cơ và dân vệ ở Hưng Hóa là 555 người. Trong 250 dân vệ, 193 người đang làm việc (được phân bố như sau: canh giữ Tòa sứ: 31 người; đầy tớ: 12 người; đồn Bảo Yên: 50 người; Trình Xá: 30 người; Lệ Mỹ: 25 người; Tach Son (Thạch Sơn hoặc Thanh Sơn - NLD): 25 người; tại Hưng Hóa: 20 người) nhưng có tới 57 người không thể đưa vào phục vụ (mới phiên chế 24 người, nghỉ phép 4 người, đội hộ tống: 6 người; thiếu: 23 người;). Về lính cơ, trong tổng số 305 người chỉ có 257 người làm việc (gác nhà tù 40 người; gác tại Dinh Tuần phủ: 12 người; đồn Lệ Mỹ: 40 người; Đào Xá 30 người; Thanh Ba: 30 người; Tach Son (Thạch Sơn hoặc Thanh Sơn - NLD): 55 người; tại Hưng Hóa 50 người nhưng 6 quản, phó quản hoàn toàn không có giá trị); còn số không sử dụng được là 48 người (37 người mới huấn luyện, 6 người đào ngũ; 5 người nghỉ phép). Lực lượng tại đồn Bảo Yên, Trình Xá đều bị coi là quá mỏng. Theo đó, để chống lại các nghĩa quân, Hưng Hóa cần có thêm 300 lính cơ, đồng thời tăng cường thêm dân vệ dưới danh nghĩa lực lượng bổ sung (gồm một Thanh tra, 4 gác chính, 2 phó quản, 300 lính) (27).

Trong các đợt tấn công quân sự, ngoài lực lượng chính là quân Pháp còn có sự hiện diện của bộ phận thân binh cùng chính quyền bản xứ, mà trực tiếp là Tuần phủ Hưng Hóa Lê Hoan. Không chỉ đóng vai trò là người cộng tác, Lê Hoan còn được coi là người tận lực cho công cuộc bình định vùng Hưng Hóa. Từ tai mắt gây dựng các nơi, ông ta lần tìm ra nhiều thông tin về quân khởi nghĩa: "Tôi nhận thấy rằng Đề Ngữ vẫn chưa được củng cố tốt và rằng thái độ của dân chúng không chịu sự ảnh hưởng của ông ta".

"Nhiều cuộc đụng độ do quân chúng ta tiến hành chống lại toán Đốc Ngữ, nhiều tên chết hoặc bị thương; rằng mặc dù toán cướp này đã chịu tổn lớn nhưng không có thủ lĩnh nào của chúng bị bắt hay bị giết; và bằng việc chờ đợi các đội quân rút lui, họ sẽ nhóm họp lại tại nơi này";

Chính viên Tuần phủ này cũng đề xuất ra các biện pháp để tiêu diệt nhanh chóng các nhóm quân khởi nghĩa: "Tuần phủ Hưng Hóa cho là sẽ có thuận lợi để tiếp tục tiêu diệt hoàn toàn toán Đốc Ngữ trước khi phân chia lực lượng để chống lại toán Đề Kiều".

"...Chúng ta sẽ lựa chọn địa điểm đặt các đồn, giống như trước đây, sau đó chúng ta sẽ bắt đầu mở các cuộc hành quân. Với sự khắc nghiệt, chúng ta sẽ bắt các làng cam kết phải bắt về cho chúng ta những người dân tham gia toán cướp để kích động quân du kích và các thủ lĩnh không còn có tình cảm giữa họ để chia tách họ với nhau. Sau đó, chúng ta sẽ đăng các yết thị để tập hợp dân chúng, mà trong số đó chúng ta sẽ nói rằng những người đã đầu hàng sẽ được tha thứ và những người bị bắt sẽ bị trừng phạt. Bằng cách đó, toán Đề Ngữ và Đề Kiều sẽ bị thu nhỏ dần và tới một ngày chúng ta sẽ có trong tay thủ lĩnh toán cướp và hòa bình sẽ được thiết lập trong 2 đến 3 tháng. Tôi đã đưa ra những chỉ dẫn cho viên Kinh Lược và tôi xin ngài lưu ý với Thống sứ và trao đổi với Tư lệnh quân đội để các cuộc hành binh đề xuất sẽ được tiến hành" (28).

Còn đây là kế sách của Lê Hoan nếu được tăng thêm viện binh: "Cần phải gửi đến một đội quân 500 đến 600 tay súng và 3 đến 4 cỗ đại pháo để chống lại Đề Ngữ. Ông ta phải rút về những địa điểm khó khăn; chúng ta sẽ thiết lập đồn binh ở những nơi có thể chặt đứt liên lạc với Đề Kiều, để ngăn cản việc giành gạo và thực phẩm, chúng ta sẽ tiến vào các khu rừng để tấn công sào huyệt và phá hủy các kho dự trữ thực phẩm. Trong lúc sào huyện của Đề Ngữ bị chiếm, chúng ta sẽ bố trí một vài đồn trên những nơi này để tấn công sào huyệt của Đề Kiều - người đang ở Rừng Già Núi Đọi và Núi Tượng" (29).

*

Từ việc phân tích tài liệu, bài viết xin đưa ra một số nhận định về phong trào Cần vương tại Hưng Hóa:

Trước hết, thông tin chắt lọc từ các tài liệu này phần nào cho thấy thái độ, hành động đàn áp của chính quyền thực dân Pháp và tay sai với Nguyễn Quang Bích cũng như gia đình ông. Ở một mức độ nhất định, đó còn là thủ đoạn để cảnh cáo, đe dọa với những người tham gia phong trào và nhân dân.

Các tài liệu cũng đồng thời cung cấp những đánh giá, nhận định của giới chức thực dân và phong kiến về phong trào Cần vương tại Hưng Hóa. Theo người Pháp, Hưng Hóa là một trong những căn cứ chính nên phong trào ở đây thực sự lớn mạnh. Trong suốt thời gian dài như vậy, phong trào không hề đứt đoạn mà có sự tiếp nối liên tục từ Nguyễn Quang Bích đến Đốc Giáp rồi Đề Kiều và cả Đốc Ngữ. Lý giải cho sức mạnh phong trào, thực dân Pháp viện ra lý do về đặc điểm địa hình, điều kiện khí hậu, sự hậu thuẫn của nhân dân và nhất là vai trò của các thủ lĩnh. Tài liệu được dẫn ra trong bài viết này tập trung nhiều trong những năm 1891-1892, tương đương với giai đoạn cuộc khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đề Kiều, Đốc Ngữ. Ở đây, mối quan hệ giữa Đề Kiều và Đốc Ngữ được khẳng định là bền chặt, khăng khít, hỗ trợ lẫn nhau cả trong tổ chức lực lượng lẫn chiến đấu. Phương pháp tác chiến du kích, lấy rừng núi làm căn cứ địa và dựa vào sự ủng hộ, tiếp tế của nhân dân của cả Đề Kiều và Đốc Ngữ đều được cho là khó đối phó, gây cho Pháp rất nhiều tổn thất. Vì vậy, thế trận tại Hưng Hóa diễn ra trong thế giằng co quyết liệt và phải mất tới 10 năm, thực dân Pháp mới cơ bản dập tắt được phong trào.

Cũng từ nguồn tài liệu này có thể thấy được tình thế lúng túng và cả những toan tính của Pháp trong suốt thời kỳ Cần vương, nhất là từ năm 1891. Dù đã xây dựng được các đồn bốt quân sự rải rác ở

châu, huyện, nắm trong tay lực lượng có ưu thế hơn về vũ khí nhưng Pháp vẫn phải thừa nhận không dễ dàng để xâm nhập vào địa bàn hoạt động của nghĩa quân cũng như phá vỡ mối liên hệ mật thiết giữa nghĩa quân và nhân dân. Vào thời điểm 1891-1892, Pháp vẫn loay hoay với bài toán cân bằng lực lượng để vừa duy trì các khu vực chiếm đóng, vừa tấn công các cứ điểm của nghĩa quân và nhất là phải tìm cách phân tán rồi chặt đứt mối dây liên hệ giữa hai lực lượng của Đốc Ngữ và Đề Kiều. Sự lúng túng của Pháp không chỉ diễn ra ở Hưng Hóa mà còn trên phạm vi vùng Tây Bắc. Trên thực tế, gặp phải sự kháng cự quyết liệt, lại ở trong tình trạng chiến tranh kéo dài, chiến thuật của Pháp lúc này đã có sự thay đổi, bằng cách thực hiện các cuộc càn quét, truy sát nhỏ thay vì các cuộc hành quân quy mô lớn nhưng vẫn chưa mang lại kết quả.

Không chỉ vậy, sự can dự của Tổng đốc Lê Hoan cùng đội quân thân binh như đã được trình bày trong tài liệu là những minh chứng cụ thể cho kế sách "dùng người Việt trị người Việt" của thực dân Pháp thời kỳ này cũng như sự hèn nhát của một bộ phận quan lại vì quyền lợi cá nhân đã sớm câu kết với Pháp.

Những tài liệu như đã kể ra ở trên là một phần trong những tài liệu lưu trữ liên quan đến phong trào Cần vương ở Hưng Hóa nói riêng và Tây Bắc nói chung trong những năm cuối thế kỷ XIX. Dù còn chưa đầy đủ, lại là cái nhìn từ phía chính quyền thực dân và phong kiến tay sai, nhưng những nội dung từ các hồ sơ này đã đưa đến những chỉ dẫn mới về phong trào tại Hưng Hóa. Do vậy, việc khai thác nguồn tài liệu này một cách cụ thể, hệ thống sẽ là cơ sở để góp thêm vào việc nghiên cứu về phong trào yêu nước chống Pháp giai đoạn này.

CHÚ THÍCH

* Vì tài liệu do người Pháp viết nên các địa danh, tên người thường viết sai chính tả, sai dấu, sai lệch so với thực tế, hoặc sai lệch giữa chính các tài liệu với nhau. Trong bài viết này, dù đã cố gắng nhưng một số tên làng, tên thôn, tên người vẫn phải giữ nguyên như văn bản lưu trữ do chúng tôi không tìm thấy các chỉ dẫn cần thiết để Việt hóa chính xác.

(1), (2). RST 76349 - Proposition du Résident de Thai Binh a.s arrestation des membres de la famille de l'ex Tuan phu de Hung Hoa, Nguyen Quang Bich et confiscation de ses biens 1891.

(3). Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin (bs), *Đồng Khánh dư địa chí,* Bản điện tử, 2003, tr.702.

(4). Bulletin officiel de l'Indochine francaise, 1891, tr.715, 781.

(5). Bulletin officiel de l'Indochine francaise, 1893, tr.172, 485, 654.

(6), (7), (8), (9), (10), (11). RST 1554 - Province de Hung Hoa (Phu Tho): Notice, monographie, cartes, divisions administratives de la province de Hung Hoa 1899.

(12), (13), (14), (15), (16), (19). RST 76327 - Actes de piraterie commis dans la province de Hung Hoa 1890-1891.

(17), (18), (20), (21), (22). RST 1554 - Province de Hung Hoa (Phu Tho): Notice, monographie, cartes, divisions administratives de la province de Hung Hoa 1899.

(23), (24), (25), (26), (28), (29). RST 76327 - Actes de piraterie commis dans la province de Hung Hoa 1890-1891.

(27). RST 80077 - Situation politique de la province de Phú Thọ en 1892.